**Danh sách thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,
thực vật của các thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/8-20/9/2022**

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/TPKM/596 | CT | Đài Loan | 20/09/2022 | Dự thảo sửa đổi "Giới hạn sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của *2'-*fucosyllactose được tạo ra bởi chủng *Escherichia coli BL21 (DE3) # 1540* biến đổi gen như một thành phần thực phẩm" và "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của 2'-fucosyllactose được sản xuất bằng cách biến đổi gen chủng *Escherichia coli K-12 DH1 MDO MAP1001d* làm nguyên liệu thực phẩm ". | "Giới hạn sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của 2'-fucosyllactose được tạo ra bởi chủng *Escherichia coli* biến đổi gen BL21 (DE3) # 1540 như một thành phần thực phẩm" và "yêu cầu về hạn chế sử dụng và ghi nhãn đối với 2'-fucosyllactose được tạo ra bởi chủng *Escherichia coli* đã biến đổi gen K-12 DH1 MDO MAP1001d như một thành phần thực phẩm "đã được ban hành và có hiệu lực lần lượt vào ngày 16 tháng 12 năm 2020 và ngày 16 tháng 6 năm 2021. 2'-fucosyllactose đề cập đến các quy định ở trên có thể được sử dụng cho sữa bột trẻ em sơ sinh, sữa bột trẻ nhỏ và sữa bột hoặc các sản phẩm tương tự cho trẻ em dưới bảy tuổi.Phù hợp với các quy định tại khoản 2 của điều 3 của đạo luật điều chỉnh an toàn và vệ sinh thực phẩm và điều 2 của quy tắc thực thi của đạo luật điều chỉnh an toàn và vệ sinh thực phẩm, thuật ngữ "sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ" được quy định trong đạo luật sẽ bao gồm sữa công thức cho trẻ sơ sinh, sữa bột trẻ nhỏ và sữa bột trẻ em cho các mục đích y tế đặc biệt.Do đó, dự thảo sửa đổi này quy định mở rộng "sữa công thức dành cho trẻ em dùng cho mục đích y tế đặc biệt" về phạm vi sử dụng, các hạn chế sử dụng khác và yêu cầu ghi nhãn không thay đổi. |
| 2 | G/SPS/N/KOR/761 | ATTP, BVTV, CT, TY, QLCL | Hàn Quốc | 19/09/2022 | Đề xuất sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu" | Làm rõ trường hợp sửa đổi thông tin địa điểm của cơ sở thực phẩm nước ngoài đã đăng ký và cơ sở nước ngoài (quy định tại điều 2 và điều 13 của quy tắc thi hành luật đặc khu) như sau: khi tên của quận hành chính hoặc hệ thống quận hành chính nơi có cơ sở hoặc cơ sở thực phẩm đã thay đổi hoặc đã được tái cấu trúc (không có việc di dời cơ sở vật chất hoặc cơ sở đã được thực hiện). |
| 3 | G/SPS/N/EU/602 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 15/09/2022 | Quy định thực thi của ủy ban (EU) 2022/1472 ngày 5 tháng 9 năm 2022 liên quan đến việc cho phép mangan lysinate sulphat làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Đơn liên quan đến việc cho phép mangan lysinate sulphat làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, được phân loại trong danh mục 'phụ gia dinh dưỡng' và nhóm chức 'các hợp chất của nguyên tố vi lượng. Cơ quan an toàn thực phẩm Châu Âu ('Cơ quan') đã kết luận vào ngày 27 tháng 01 năm 2022 rằng, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, mangan lysinate sulphat không có tác động xấu đến sức khỏe động vật, sự an toàn của người tiêu dùng hoặc môi trường. Cơ quan có thẩm quyền kết luận thêm rằng việc xử lý chất này có thể gây rủi ro cho người dùng khi hít phải và chất này gây kích ứng cho mắt và da và nên được coi là chất gây mẫn cảm qua da. Do đó, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia. Cơ quan cũng kết luận rằng chất này có hiệu quả đối với gà để vỗ béo; kết luận này có thể được mở rộng cho tất cả các loài động vật khác. Việc đánh giá mangan lysinate sulphat cho thấy rằng các điều kiện để được cấp phép, như quy định tại điều 5 của quy định (EC) số 1831/2003, được đáp ứng. Theo đó, việc sử dụng chất đó phải được cho phép như quy định trong phụ lục của quy định này. |
| 4 | G/SPS/N/EU/601 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 15/09/2022 | Quy định thực thi của ủy ban (EU) 2022/1469 ngày 5 tháng 9 năm 2022 liên quan đến việc cho phép *L-*lysine sulphatđược sản xuất bởi *Escherichia coli* CGMCC 7.398 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Theo điều 7 của quy định (EC) số 1831/2003, đơn xin cấp phép L-lysine sulphat được sản xuất bởi *Escherichia coli* CGMCC 7.398 đã được đệ trình. Đơn liên quan đến việc cho phép L-lysine sulphat được sản xuất bởi *Escherichia coli* CGMCC 7.398 như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, được phân loại trong danh mục 'phụ gia dinh dưỡng', *axit amin* nhóm chức năng, muối của chúng và các chất tương tự. Đánh giá L-lysine sulphat do *Escherichia coli* CGMCC 7.398 sản xuất cho thấy rằng các điều kiện để được cấp phép, như quy định tại điều 5 của quy định (EC) số 1831/2003, được đáp ứng. Theo đó, việc sử dụng chất này phải được cho phép như quy định trong phụ lục của quy định này. |
| 5 | G/SPS/N/EU/600 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 15/09/2022 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1490 ngày 01 tháng 3 năm 2022 liên quan đến việc cấp phép cho tinh dầu chanh chiết xuất, phần còn lại của tinh dầu chanh chưng cất, tinh dầu chanh chưng cất (phần dễ bay hơi) và tinh dầu chanh chưng cất làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật nhất định | Tinh dầu chanh chiết xuất, phần còn lại của tinh dầu chanh đã chưng cất, tinh dầu chanh chưng cất (phần bay hơi) và tinh dầu chanh chưng cất được cấp phép không giới hạn thời gian theo chỉ thị 70/524 / EEC làm chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Các chất phụ gia này sau đó đã được đưa vào sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi như các sản phẩm hiện có, theo điều 10 (1) (b) của quy định (EC) số 1831/2003. Theo điều 10 (2) của quy định (EC) số 1831/2003 cùng với điều 7 của quy định đó, đăng ký đã được đệ trình để đánh giá lại tinh dầu chanh chiết xuất, phần còn lại của tinh dầu chanh đã được chưng cất, tinh dầu chanh đã được chưng cất dầu (phần dễ bay hơi) và tinh dầu chanh chưng cất cho tất cả các loài động vật.Cơ quan kết luận rằng tinh dầu chanh chiết xuất, phần còn lại của tinh dầu chanh đã được chưng cất, tinh dầu chanh chưng cất (phần dễ bay hơi) và tinh dầu chanh chưng cất được công nhận để tạo hương vị cho thực phẩm và chức năng của chúng trong thức ăn chăn nuôi về cơ bản giống như trong thực phẩm, và do đó, không cần thiết để chứng minh thêm về hiệu quả. Điều đó cũng xác minh báo cáo về các phương pháp phân tích các chất phụ gia thức ăn trong thức ăn chăn nuôi do phòng thí nghiệm tham chiếu thiết lập theo quy định (EC) số 1831/2003. |
| 6 | G/SPS/N/THA/581 | ATTP | Thái Lan | 13/09/2022 | Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), số… B.E. …. (....) được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 mang tên "Quy định nguyên tắc, điều kiện, phương pháp và tỷ lệ phụ gia thực phẩm (số 3)". | Bộ Y tế Công cộng (MOPH) sửa đổi chi tiết phụ gia thực phẩm được phép tối đa đã được cho phép như sau: Khoản 1 - Phụ lục I và Phụ lục II của Thông báo của Bộ Y tế (No. 418) B.E. 2563 được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 V / v quy định nguyên tắc, điều kiện, phương pháp và tỷ lệ phụ gia thực phẩm (số 2), ngày 2 tháng 9 năm TCN. 2563 (2020), sẽ được bãi bỏ và thay thế bằng Phụ lục I và Phụ lục II của Thông báo này. Khoản 2 - Các nhà sản xuất hoặc nhập khẩu thực phẩm cho mục đích thương mại đã được cấp giấy phép sản phẩm thực phẩm trước ngày thông báo này có hiệu lực có thể tiếp tục đưa sản phẩm thực phẩm của mình ra thị trường trong thời gian không quá hai năm kể từ ngày có hiệu lực nếu các sản phẩm sử dụng phụ gia thực phẩm được liệt kê trong Phụ lục của Thông báo này và các điều kiện sử dụng đã được thông qua vào năm 2022 (TCN 2565).Khoản 3 - Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày sau ngày đăng Công báo Chính phủ. |
| 7 | G/SPS/N/NZL/696 | BVTV | Niu Di-lân | 13/09/2022 | Dự thảo Tiêu chuẩn sức khỏe thực vật nhập khẩu - Ngũ cốc và Hạt giống để tiêu thụ, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. |  Bộ các ngành Công nghiệp Cơ bản đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn sức khỏe thực vật nhập khẩu. Thông báo này liên quan đến đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn sức khỏe thực vật nhập khẩu: Ngũ cốc và hạt để tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. Việc sửa đổi bao gồm: - Loại bỏ các loài gây hại cụ thể khỏi danh sách dịch hại của cây kê (*Panicum* spp.), Cùng với các yêu cầu nhập khẩu cụ thể đối với những loài gây hại đó trong hạt kê; - Bổ sung các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt cải dầu (*Brassica napus*) và kê xanh (*Pennisetum glaucum* và *P. clandestinum*). |
| 8 | G/SPS/N/NZL/695 | ATTP, BVTV, TY, QLCL | Niu Di-lân | 13/09/2022 | Đề xuất sửa đổi Thông báo thực phẩm của Niu Di-lân (Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp) | Tài liệu bao gồm các chi tiết kỹ thuật về các đề xuất sửa đổi thông báo hiện hành được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm 2014 liệt kê các mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với các hợp chất nông nghiệp ở Niu Di-lân. Bộ các ngành Công nghiệp Cơ bản đề xuất các sửa đổi sau đối với Thông báo: a) Sửa đổi các mục hiện có trong Phụ lục 1, Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp, cho các hợp chất và hàng hóa sau: - Cyantraniliprole, MRL ở mức 0,05 mg/kg trong gan động vật có vú; và - Tetracyclines, để loại bỏ MRL đối với thịt cá. b) Việc loại bỏ mục nhập hiện có trong Phụ lục 1, Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp, đối với trichlorfon. c) Việc bổ sung một mục mới trong Phụ lục 3, đối với Thuốc thú y không áp dụng mức dư lượng tối đa, đối với axit lactic, khi được sử dụng làm chất làm sạch núm vú. |
| 9 | G/SPS/N/EU/599 | CN, TY | EU | 13/09/2022 | Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1493 ngày 8 tháng 9 năm 2022 liên quan đến việc cho phép L-methionine được sản xuất bởi *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80245 và *Escherichia coli* KCCM 80246 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Theo Điều 7 của Quy định (EC) số 1831/2003, đơn đăng ký đã được đệ trình để xin phép L-methionine được sản xuất bởi *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80245 và *Escherichia coli* KCCM 80246. Đơn đó kèm theo các chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo Điều 7 của quy định đó. Đơn liên quan đến việc cho phép L-methionine được sản xuất bởi *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80245 và *Escherichia coli* KCCM 80246 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật được phân loại trong danh mục phụ gia 'phụ gia dinh dưỡng'. Cơ quan cũng kết luận rằng L-methionine được sản xuất bởi *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80245 và *Escherichia coli* KCCM 80246 là một nguồn methionine hiệu quả cho tất cả các loài động vật và để có hiệu quả ở động vật nhai lại như ở các loài không nhai lại, chất này phải là được bảo vệ chống lại sự suy thoái trong dạ cỏ. Cơ quan có thẩm quyền không cho rằng cần có các yêu cầu cụ thể về giám sát sau thị trường. Nó cũng xác minh báo cáo về phương pháp phân tích các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi do Phòng thí nghiệm tham chiếu thiết lập theo Quy định (EC) số 1831/2003. |
| 10 | G/SPS/N/EU/598 | CN, TY | EU | 13/09/2022 | Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1492 ngày 8 tháng 9 năm 2022 liên quan đến việc cho phép L-valine do *Escherichia coli* CCTCC M2020321 sản xuất làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Theo Điều 7 của Quy định (EC) số 1831/2003, đơn đăng ký đã được đệ trình để xin phép L-valine do *Escherichia coli* CCTCC M2020321 sản xuất làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Đơn liên quan đến việc cho phép L-valine được sản xuất bởi *Escherichia coli* CCTCC M2020321 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, được phân loại trong danh mục phụ gia 'phụ gia dinh dưỡng', nhóm chức năng 'axit amin, muối của chúng và các chất tương tự'. Theo ý kiến của Cơ quan, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các tác động xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia. Việc đánh giá L-valine do *Escherichia coli* CCTCC M2020321 sản xuất cho thấy rằng các điều kiện để được cấp phép quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003, đã được đáp ứng. |
| 11 | G/SPS/N/GEO/28 | TY | Gruzia | 12/09/2022 | Quy định về việc di chuyển phi thương mại động vật nuôi theo phong tục của người Georgia. | Quy tắc này đặt ra các yêu cầu về việc di chuyển phi thương mại của động vật vật nuôi và xác định mẫu giấy chứng nhận cho vật nuôi. |
| 12 | G/SPS/N/CAN/1454 | ATTP, BVTV | Canada | 12/09/2022 | Đề xuất Giới hạn dư lượng tối đa: Fenazaquin (PMRL2022-16). | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2022-16 là tham khảo ý kiến ​​về các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với fenazaquin đã được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã chế biến |
| 20 | Dầu cam quýt |
| 2.0 | Quả đá (nhóm cây trồng 12-09); quả phát triển thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G) |
| 0,8 | Bushberries (phân nhóm cây trồng 13-07B); nho khô |
| 0,7 | Caneberries (phân nhóm cây trồng 13-07A); Cây nho leo quả nhỏ, trừ quả kiwi lông xù (phân nhóm cây trồng 13-07F) 0,6 Quả tròn (nhóm cây trồng 11-09) |
| 0,4 | Trái cây có múi (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi) |
| 0,3 | Rau ăn quả (nhóm cây trồng 8-09); rau bầu bí (nhóm cây trồng 9) |

1ppm = phần triệuCó thể tìm thấy các mặt hàng nằm trong các nhóm / phân nhóm cây trồng được liệt kê trên trang web nhóm cây trồng hóa chất dư lượng (<https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.html>)trong phần thuốc trừ sâu của trang web http://Canada.ca. |
| 13 | G/SPS/N/CAN/1453 | CT | Canada | 12/09/2022 | Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất bảo quản được phép để mở rộng việc sử dụng Kali Sorbate cho nước sốt có hương vị hàu (Oyster) | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã nhận được yêu cầu phê duyệt việc sử dụng kali sorbate làm chất bảo quản ở mức tối đa 1/phần triệu (ppm) trong nước sốt có hương vị hàu. Nước sốt có hương vị hàu được coi là một sản phẩm không theo tiêu chuẩn cá ở Canada, và do đó, không được phép chứa kali sorbat do được ghi trong tiểu mục S.9 (2) của Phần 2 của Danh sách các chất bảo quản được phép.Mục đích của thông báo này là để thông báo công khai quyết định của Bộ Y tế về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. |
| 14 | G/SPS/N/JPN/1103 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 07/09/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau thuốc trừ sâu: Fenpyrazamine |
| 15 | G/SPS/N/JPN/1102 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 07/09/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau thuốc trừ sâu: Flonicamid |
| 16 | G/SPS/N/JPN/1101 | ATTP, BVTV, TY. QLCL | Nhật Bản | 07/09/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau thuốc trừ sâu: Trifloxystrobin |
| 17 | G/SPS/N/JPN/1100 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 07/09/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau thuốc trừ sâu: Penthiopyrad |
| 18 | G/SPS/N/JPN/1099 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 07/09/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau thuốc trừ sâu: Glufosinate |
| 19 | G/SPS/N/JPN/1098 | ATTP, BVTV, TY, QLCL | Nhật Bản | 07/09/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau thuốc trừ sâu: Fluxametamide |
| 20 | G/SPS/N/JPN/1097 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 07/09/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau thuốc trừ sâu: Fenarimol |
| 21 | G/SPS/N/JPN/1096 | ATTP, BVTV, TY, QLCL | Nhật Bản | 07/09/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau thuốc trừ sâu: Acynonapyr |
| 22 | G/SPS/N/CRI/248 | TY | Croatia | 07/09/2022 | Dự thảo Nghị quyết SENASA-DMV-XX-2022 - Tổng cục Thú y quốc gia, Cơ quan Thú y Quốc gia - Barreal de Ulloa, Heredia tại (thời điểm) ngày (ngày) (năm), cấm nhập khẩu, sản xuất, tiếp thị hoặc sử dụng thuốc thú y chứa asen hoặc các hợp chất của asen | Văn bản thông báo nghiêm cấm nhập khẩu, sản xuất, tiếp thị hoặc sử dụng thuốc thú y có chứa asen hoặc các hợp chất của asen. Nó cũng quy định rằng các đơn đăng ký thuốc thú y có chứa asen hoặc các hợp chất của asen, hoặc để gia hạn hoặc công nhận đăng ký của chúng, sẽ bị từ chối. Hơn nữa, nó cấm nhập khẩu thạch tín hoặc các hợp chất của thạch tín để sử dụng trong thú y |
| 23 | G/SPS/N/NPL/37 | CN, TY | Nepal | 06/09/2022 | Tiêu chuẩn đề xuất cho thức ăn gia cầm | Chính phủ Nepal đã sửa đổi Đạo luật bảo vệ thực vật năm 2007 và phần sửa đổi của đạo luật được thông báo bằng văn bản này. |
| 24 | G/SPS/N/GBR/20 | CT | Vương quôc Anh  | 06/09/2022 | Giấy phép cho bốn sản phẩm thực phẩm mới và thay đổi các điều kiện sử dụng và đặc điểm kỹ thuật đối với giấy phép hiện có. | Cơ quan An toàn thực phẩm của Vương quốc Anh thông báo cho các thành viên về việc cấp phép cho bốn sản phẩm thực phẩm mới để sử dụng trên thị trường GB và thay đổi các điều kiện sử dụng của một thực phẩm mới và đặc điểm kỹ thuật của nó đối với giấy phép hiện có.Giấy phép bao gồm các sản phẩm thực phẩm mới được sử dụng như các thành phần của sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh. Các sản phẩm sau đây được phân loại là "oligosaccharides sữa giống người (HiMO)". Các HiMO được sản xuất có cấu trúc giống hệt các phân tử có trong sữa mẹ. |
| 25 | G/SPS/N/EU/597 | ATTP, BVTV, TY | EU | 06/09/2022 | Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với isoxaben, novaluron và tetraconazole trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định | Dự thảo quy định được đề xuất liên quan đến việc xem xét các MRL hiện có đối với isoxaben, novaluron và tetraconazole trong một số mặt hàng thực phẩm. MRL đối với những chất này trong một số mặt hàng nhất định được hạ xuống hoặc tăng lên. MRLs thấp hơn được đặt sau khi xóa các mục đích sử dụng cũ không được phép nữa ở Liên minh châu Âu hoặc các mối quan tâm về sức khỏe con người. |
| 26 | G/SPS/N/USA/3346 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 05/09/2022 | Tiếp nhận một số đơn đệ trình liên quan đến việc dư lượng của hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các hàng hóa khác nhau.Thông báo về việc tiếp nhận đơn đệ trình và yêu cầu góp ý. | Thông báo của Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ kiến nghị ban đầu đối với thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu về thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau. |
| 27 | G/SPS/N/TUR/128 | TY, CN | Thổ Nhĩ Kỳ | 05/09/2022 | Giấy chứng nhận sức khỏe thú y cho việc xuất khẩu chất béo được sử dụng cho mục đích làm nguyên liệu trong chuỗi thức ăn chăn nuôi (không dành cho người tiêu dùng) và để sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho Thổ Nhĩ Kỳ | Các quy tắc, thủ tục và mô hình liên quan đến giấy chứng nhận sức khỏe thú y do Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp quy định theo khoản 7 Điều 31 của Luật số 5996 (G/SPS/N/TUR/9).Các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe thú y dưới đây đã được chuẩn bị một phần theo Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011 ngày 25 tháng 2 năm 2011:- "Giấy chứng nhận sức khỏe thú y về việc xuất khẩu chất béo được sử dụng cho mục đích làm nguyên liệu trong chuỗi thức ăn chăn nuôi (không dành cho người tiêu dùng) và để sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho ngoài lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ;- "Giấy chứng nhận sức khỏe thú y về việc xuất khẩu chất béo được chế biến không dùng cho người để sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho Thổ Nhĩ Kỳ ". |
| 28 | G/SPS/N/TPKM/594 | ATTP, BVTV, TY, QLCL, CT | Đài Loan | 02/09/2022 | Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh cho dụng cụ, hộp đựng và bao bì thực phẩm. | Quy định này nhằm:1. Sửa đổi phần mô tả văn bản của Điều 2.2. Thiết lập các tiêu chuẩn cho vật liệu hợp kim.3. Sửa đổi hình thức của lịch trình bổ sung. |
| 29 | G/SPS/N/NPL/36 | BVTV | Nepal | 02/09/2022 | Luật bảo vệ thực vật 2007, bản sửa đổi lần thứ nhất năm 2022 | Chính phủ Nepal đã sửa đổi Đạo luật bảo vệ thực vật 2007 và sửa đổi môt phần của đạo luật được thông báo bằng thông báo này. |
| 30 | G/SPS/N/BRA/2072 | ATTP, BVTV | Brazil | 02/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1110, ngày 25 tháng 8 năm 2022. | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa vào thành phần hoạt chất A69: Mexican Argemone trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União) |
| 31 | G/SPS/N/USA/3346 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 02/09/2022 | Tiếp nhận một số đơn đệ trình liên quan đến việc dư lượng của hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các hàng hóa khác nhau.Thông báo về việc tiếp nhận đơn đệ trình và yêu cầu góp ý. | Tài liệu này thông báo về việc cơ quan đã nhận được một số hồ sơ kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật được yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau. |
| 32 | G/SPS/N/UKR/185 | ATTP, BVTV | Ucraina | 01/09/2022 | Dự thảo của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa trong/trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật, danh sách các sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật được thiết lập mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa, danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật không xác lập mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa ”. | Dự thảo của Bộ Y tế Ucraina"Về việc phê duyệt mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật, động vật, danh mục sản phẩm có nguồn gốc thực vật, động vật xây dựng mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật, danh mục hoạt chất bảo vệ thực vật không xác định được mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa ” |
| 33 | G/SPS/N/THA/571 | BVTV | Thái Lan | 01/09/2022 | Thực hiện mẫu giấy chứng nhận KDTV mới và giấy chứng nhận KDTV tái xuất do DOA Thái Lan cấp | DOA đã triển khai một định dạng mới của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để tái xuất khẩu, vào ngày 1 tháng 8 năm 2022. Sau đây là các đặc điểm của giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật mới và giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật cho mẫu tái xuất cho Thái Lan:1. Giấy chứng nhận mới được in trên loại giấy đặc biệt-A4, có hình chìm màu xanh lục nhạt có chữ " Thailand Department of Agriculture";2. Mã số KDTV mới bắt đầu bằng TH với mã số gồm 10 chữ số "THXXXXXXXXXX," có nghĩa là:2.1. TH có nghĩa là Thái Lan;2.2. Các chữ số đầu tiên và thứ hai đại diện cho năm với hai chữ số cuối cùng của “Kỷ nguyên Phật giáo”;2.3. Chữ số thứ ba và thứ tư đại diện cho các tháng trong năm;2.4. Sáu chữ số cuối cùng là số của Giấy chứng nhận KDTV được cấp theo thứ tự;3. Mã QR duy nhất nằm ở góc trên bên trái của Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật.Mẫu giấy chứng nhận KDTV và Giấy chứng nhận KDTV mẫu mới để tái xuất được đính kèm. Các chứng chỉ mới sẽ có giá trị sử dụng từ ngày 1 tháng 8 năm 2022. Trong thời gian chuyển đổi (đến ngày 30 tháng 9 năm 2022), các chứng chỉ mới và hiện tại có thể được xuất trình theo thời gian. |
| 34 | G/SPS/N/UKR/184 | ATTP, BVTV, TY, QLCL, CT | Ucraina | 30/08/2022 | Dự thảo của Bộ Y tế Ucraina "Cấm sử dụng *2,4,4'-*Trichloro-2'-hydroxydiphenyl ether trong sản xuất vật liệu nhựa và các sản phẩm có tiếp xúc với thực phẩm" | Dự thảo về lệnh cấm sử dụng *2,4,4'-*Trichloro-2'-hydroxydiphenyl ether (CAS số 0003380-34-5, số 93930) trong sản xuất vật liệu nhựa và các sản phẩm có tiếp xúc với thực phẩm.Đồng thời, một giai đoạn chuyển tiếp đã được đưa ra để cho phép tiếp thị các vật liệu và sản phẩm bằng nhựa được sản xuất bằng 2,4,4'-trichloro-2'-hydroxydiphenyl ether (CAS No. 0003380-34-5, ref. No. 93930) và được đưa vào lưu hành đến ngày 1 tháng 1 năm 2023 trong một năm, tức là ngày 1 tháng 1 năm 2024.Dự thảo được thiết kế để đáp ứng các yêu cầu an toàn đối với các mặt hàng và vật liệu có tiếp xúc với thực phẩm, phù hợp với các yêu cầu của EU. |
| 35 | G/SPS/N/UKR/183 | ATTP, BVTV, TY, QLCL, CT | Ucraina | 30/08/2022 | Dự thảo của Bộ Y tế Ucraina "Phê duyệt các yêu cầu đối với các sản phẩm gốm sứ tiếp xúc với thực phẩm". | Dự thảo cung cấp việc phê duyệt các yêu cầu đối với các sản phẩm gốm sứ có tiếp xúc với thực phẩm.Các yêu cầu thiết lập mức dư lượng tối đa của chì và cadimi từ các sản phẩm gốm, ở trạng thái hoàn thiện, nhằm mục đích tiếp xúc với thực phẩm, cũng như các quy tắc cơ bản để xác định sự di chuyển của chì và cadimi và các phương pháp phân tích của họ.Các sản phẩm gốm sứ có tiếp xúc với thực phẩm được sản xuất trước khi lệnh này có hiệu lực có thể được lưu hành cho đến hết (thời hạn) hiệu lực của chúng.Dự thảo được thiết kế để thực hiện chỉ thị 84/500/EEC ngày 15 tháng 10 năm 1984 của hội đồng về tính gần đúng của luật pháp của các quốc gia thành viên liên quan đến các sản phẩm gốm sứ có tiếp xúc với thực phẩm.Do sự tồn tại của các điều khoản liên quan đến việc khai báo các mặt hàng gốm sứ có tiếp xúc với thực phẩm, dự thảo cũng được thông báo theo các yêu cầu của hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. |
| 36 | G/SPS/N/UKR/182 | ATTP, BVTV, TY, QLCL, CT | Ucraina | 30/08/2022 | Dự thảo nghị quyết của nội các bộ trưởng Ucraina "Về việc cấm sản xuất và sử dụng một số hóa chất độc hại tại nơi làm việc". | Dự thảo nghị quyết quy định việc phê duyệt danh sách các hóa chất độc hại cấm sản xuất và sử dụng tại nơi làm việc. Mục đích là để ngăn chặn việc người lao động tiếp xúc với các nguy cơ sức khỏe từ một số chất hóa học và/hoặc một số hoạt động liên quan đến các chất hóa học.Lệnh cấm không áp dụng nếu:- Hóa chất có trong một chất hóa học khác, hoặc như một thành phần của chất thải, với điều kiện là nồng độ của nó trong đó nhỏ hơn giới hạn quy định;- Nhằm mục đích thử nghiệm và phân tích nghiên cứu khoa học;- Đối với các hoạt động nhằm loại bỏ các chất hóa học tồn tại ở dạng phụ phẩm hoặc phế phẩm;- Để sản xuất các chất hóa học được chỉ định trong danh mục để sử dụng làm chất trung gian và cho mục đích sử dụng đó.Dự thảo nghị quyết được đưa ra nhằm thực hiện chỉ thị 98/24/EC ngày 7 tháng 4 năm 1998 của Hội đồng về việc bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người lao động khỏi các rủi ro liên quan đến các tác nhân hóa học tại nơi làm việc (Chỉ thị thứ mười bốn theo nghĩa của Điều 16 (1) của chỉ thị 89/391/EEC). Liên quan đến việc thông qua danh sách các hóa chất nguy hiểm bị cấm sản xuất và sử dụng tại nơi làm việc, sẽ được sửa đổi và bổ sung thêm. |
| 37 | G/SPS/N/SGP/77 | TY | Singapore | 29/08/2022 | Điều kiện thú y đối với việc nhập khẩu gia cầm và các sản phẩm từ gia cầm. | Các điều kiện thú y đối với nhập khẩu gia cầm và sản phẩm gia cầm đã được xem xét để tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu gia cầm ướp lạnh vào Singapore.Yêu cầu về thời hạn sử dụng tối thiểu để nhập khẩu gia cầm ướp lạnh đã được rút ngắn yêu cầu hiện tại là 14 ngày xuống còn 10 ngày. Yêu cầu về loại bao bì cụ thể (ví dụ: Công nghệ đóng gói khí cải tiến) cũng đã được loại bỏ để cung cấp cho ngành công nghiệp sự linh hoạt hơn về công nghệ được sử dụng để đáp ứng yêu cầu về thời hạn sử dụng.Không có thay đổi nào đối với các điều kiện thú y khác và quy trình công nhận nhập khẩu gia cầm và sản phẩm gia cầm. Ví dụ, các quốc gia/khu vực muốn xuất khẩu gia cầm ướp lạnh sang Singapore phải được công nhận gia cầm đông lạnh, có hồ sơ xuất khẩu sang Singapore. Các cơ sở muốn xuất khẩu gia cầm ướp lạnh sang Singapore cũng phải cung cấp các nghiên cứu về thời hạn sử dụng và thông tin đóng gói.Bản tóm tắt các bản sửa đổi có thể được tìm thấy tại đây: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/SGP/22\_5851\_00\_e.pdf. |
| 38 | G/SPS/N/CHL/736 | ATTP | Chile | 26/08/2022 | Đề xuất sửa đổi quy định y tế đối với thực phẩm của Chile, nghị định tối cao số 977/96, phụ gia thực phẩm tiêu đề III và tiêu chuẩn kỹ thuật cho phụ gia thực phẩm | Đề xuất sửa đổi được thông báo đã được soạn thảo bởi nhóm công tác tư vấn về phụ gia thực phẩm (ngày 3 tháng 2 năm 2021, nghị định miễn trừ số 08, Bộ y tế). Với mục đích soạn thảo sửa đổi, một "hệ thống chủng loại thực phẩm" đã được thiết lập dựa trên các nguyên tắc của Codex Alimentarius, điều chỉnh một số tiêu đề, định nghĩa và ví dụ đối với hoàn cảnh trong nước và cụ thể là đối với các quy định của nghị định tối cao 977/96 để cho phép sử dụng phụ gia thực phẩm trong từng loại thực phẩm. Văn bản được đề xuất dựa trên Codex Stan 192, liệt kê các chất phụ gia với giới hạn theo danh mục thực phẩm và chỉ rõ chức năng của từng chất phụ gia.Các ký hiệu mô tả danh mục thực phẩm được nêu trong tiêu chuẩn kỹ thuật về phụ gia Thực phẩm không nhằm mục đích chỉ định sản phẩm hợp pháp cho mục đích ghi nhãn; thay vào đó, chúng được sử dụng để xác nhận các chất phụ gia và giới hạn được phép trong sản phẩm. Ngoài ra, hệ thống danh mục thực phẩm được phân cấp, có nghĩa là khi một chất phụ gia được công nhận để sử dụng trong một danh mục chung, nó được công nhận để sử dụng trong tất cả các danh mục phụ của nó, trừ khi có quy định khác.Chi tiết khác có thể được tìm thấy trong tài liệu đính kèm với thông báo này. |
| 39 | G/SPS/N/AUS/543 | ATTP, BVTV, TY | Úc | 26/08/2022 | Đề xuất sửa đổi phụ lục 20 của bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc Niu Di-lân sửa đổi (23 tháng 8 năm 2022)  | Đề xuất này sửa đổi bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc Niu Di-lân để điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) sau đây đối với các hóa chất nông nghiệp và thú y khác nhau để chúng phù hợp với các quy định của quốc gia khác liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất nông nghiệp và thú y:- Buprofezin, flupyradifurone, fluxapyroxad, imazapic, imazapyr, pyraclostrobin và quizalofop-ethyl trong các mặt hàng thực vật cụ thể.- Aminocyclopyrachlor và amitraz trong các mặt hàng động vật cụ thể |
| 40 | G/SPS/N/THA/565 | TY | Thái Lan | 24/08/2022 | Lệnh của DLD về việc tạm ngừng nhập khẩu lợn nội địa, lợn rừng và xác của chúng từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của dịch tả lợn châu Phi | Theo thông báo của Công báo Chính phủ ngày 18 tháng 5 năm 2022, việc tạm ngừng nhập khẩu lợn rừng sống, lợn rừng và xác của chúng từ Việt Nam kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2022, đã hết hạn vào ngày 14 tháng 8 năm 2022. Tuy nhiên, WOAH đã thông báo rằng dịch tả lợn châu Phi vẫn tiếp tục bùng phát tại Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của dịch tả lợn châu Phi vào nước này. Theo đạo luật dịch tễ động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu lợn sống và lợn rừng và thịt của chúng từ Việt Nam bị tạm ngừng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 trở đi trên công báo hoàng gia Thái Lan |
| 41 | G/SPS/N/SAU/474 | CN, TY | Vương quốc Ả Rập | 24/08/2022 | Dự thảo cuối cùng của giấy chứng nhận sức khỏe để xuất khẩu sản phẩm thức ăn chăn nuôi vào Vương quốc Ả Rập (" có nguồn gốc động vật hoặc có chứa protein động vật" và "có nguồn gốc thực vật") | Giấy chứng nhận sức khỏe xuất khẩu sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ động, thực vật vào Vương quốc Ả Rập. |
| 42 | G/SPS/N/KOR/760 | ATTP | Hàn Quốc | 24/08/2022 | Dự thảo đề xuất sửa đổi "quy định đánh giá lại các thành phần chức năng". | Các sửa đổi được đề xuất nhằm mục đích:1. Thêm chủ thể để gửi dữ liệu2. Thêm hành động theo dõi kết quả đánh giá 3. Làm rõ phương pháp đánh giá lại và tiêu chuẩn xác định4. Sửa đổi 'bán theo ngày' thành 'sử dụng theo ngày'. |
| 43 | G/SPS/N/KOR/759 | ATTP | Hàn Quốc | 24/08/2022 | Dự thảo đề xuất sửa đổi "tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm chức năng " | Các sửa đổi được đề xuất nhằm mục đích:1. Sửa đổi thông báo cảnh báo về lượng tiêu thụ trong "thực vật có chứa chất diệp lục, spirulina, chất chiết xuất từ keo ong, dầu ăn có chứa axit gamma-linolenic, Psyllium husk dietary fiber, polydextrose và men gạo đỏ”.2. Điều chỉnh lượng tiêu thụ hàng ngày của "spirulina", "chất chiết xuất từ keo ong" và "Psyllium husk dietary fiber "3. Sửa đổi đặc điểm kỹ thuật của chì trong "spirulina" và "keo ong chiết xuất"4. Xóa yêu cầu về sức khỏe trong 'spirulina'5. Thêm yêu cầu về sức khỏe trong tỏi6. Thêm 'chiết xuất coleus forskohlii' vào danh sách thành phần chức năng. |
| 44 | G/SPS/N/EU/596 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1421 ngày 22 tháng 8 năm 2022 liên quan đến việc cấp phép cho tinh dầu cam ép, tinh dầu cam chưng cất và dầu cam chiết xuất từ *Citrus sinensis (L.) Osbeck* làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Tinh dầu cam dạng ép, tinh dầu cam chưng cất và tinh dầu cam chiết cuất được cấp phép không giới hạn thời gian theo chỉ thị 70/524 / EEC làm chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Các chất phụ gia này sau đó đã được đưa vào sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi như các sản phẩm hiện có, theo điều 10 (1) (b) của quy định (EC) số 1831/2003. Phù hợp với điều 10 (2) của quy định (EC) số 1831/2003 cùng với điều 7 của nó, một đơn đăng ký đã được đệ trình để đánh giá lại tinh dầu cam dạng ép, tinh dầu cam chưng cất và tinh dầu cam chiết xuất từ *Citrus sinensis (L.) Osbeck* cho tất cả các loài động vật .Đơn yêu cầu các chất phụ gia được phân loại trong danh mục 'phụ gia cảm quan' và trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị'. Cơ quan an toàn thực phẩm Châu Âu đã kết luận vào ngày 29 tháng 9 năm 2022, theo các điều kiện sử dụng được đề xuất, tinh dầu cam, tinh dầu cam chưng cất và tinh dầu cam chiết xuất từ *Citrus sinensis (L.) Osbeck* không gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ vật nuôi, sức khoẻ người tiêu dùng và môi trường. Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng các chất phụ gia. Vì các lý do an toàn không đòi hỏi phải áp dụng ngay các sửa đổi đối với các điều kiện được cho phép của các chất liên quan, nên cho phép một giai đoạn chuyển tiếp để các bên liên quan chuẩn bị để đáp ứng các yêu cầu mới. |
| 45 | G/SPS/N/EU/595 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1420 ngày 22 tháng 8 năm 2022 liên quan đến việc cho phép axit L-glutamic và bột ngọt do *Corynebacterium glutamicum* NITE BP-01681 sản xuất làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Theo Điều 7 của Quy định (EC) số 1831/2003, đơn xin cấp phép axit L-glutamic và bột ngọt được sản xuất bởi *Corynebacterium glutamicum* NITE BP-01681 đã được đệ trình. Đơn đăng ký đó đi kèm theo các chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo điều 7 (3) của quy định (EC) số 1831/2003. Đơn liên quan đến việc cho phép axit L-glutamic và bột ngọt do *Corynebacterium glutamicum NITE BP-01681* sản xuất làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, được phân loại trong danh mục 'phụ gia dinh dưỡng' và ‘phụ gia cảm quan'. Người nộp đơn yêu cầu phụ gia thức ăn chăn nuôi được phép sử dụng trong nước uống. Tuy nhiên, quy định (EC) số 1831/2003 không cho phép sử dụng 'hợp chất tạo hương vị' trong nước uống. Vì vậy, không được phép sử dụng bột ngọt do vi khuẩn *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80188 sản xuất trong nước để uống. Thực tế là chất phụ gia không được phép sử dụng như một hương liệu trong nước để uống, trừ việc sử dụng nó trong thức ăn hỗn hợp được sử dụng qua nước. Cơ quan an toàn thực phẩm Châu Âu đã kết luận vào ngày 26 tháng 1 năm 2022 rằng, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, axit L-glutamic và bột ngọt được sản xuất *bởi Corynebacterium glutamicum* NITE BP-01681 không có tác dụng phụ đối với động vật sức khỏe, sự an toàn của người tiêu dùng hoặc môi trường. Ủy ban kết luận rằng những chất này không được coi là chất gây kích ứng cho da hoặc mắt, cũng không phải là chất gây cảm ứng da, nhưng được coi là một nguy cơ khi hít phải. Do đó, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia. Ủy ban cũng kết luận rằng những chất này có hiệu quả như các chất phụ gia dinh dưỡng và như các hợp chất tạo hương vị trong thức ăn chăn nuôi. Cơ quan có thẩm quyền cho rằng không cần có các yêu cầu cụ thể về giám sát sau thị trường. Nó cũng xác minh báo cáo về các phương pháp phân tích phụ gia thức ăn trong thức ăn chăn nuôi do phòng thí nghiệm tham chiếu thiết lập theo quy định (EC) số 1831/2003. |
| 46 | G/SPS/N/EU/594 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1419 ngày 22 tháng 8 năm 2022 liên quan đến việc cấp quyền cho tinh dầu lá buchu từ *Agathosma betulina* (P.J. Bergius) Pillans làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Dầu lá buchu đã được cấp phép không giới hạn thời gian theo Chỉ thị 70/524 / EEC như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Chất phụ gia đó sau đó đã được đưa vào sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi như một sản phẩm hiện có, theo điều 10 (1) (b) của quy định (EC) số 1831/2003.Theo điều 10 (2) và điều 7 của Quy định (EC) số 1831/2003, một đơn đăng ký đã được đệ trình để đánh giá lại một loại tinh dầu từ lá của cây *Agathosma betulina* (P.J. Bergius) Pillans (tinh dầu lá buchu) cho tất cả các loài động vật. Người nộp đơn yêu cầu chất phụ gia được phân loại trong danh mục 'phụ gia cảm quan' và trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị'.Đơn đăng ký đó kèm theo các chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo điều 7 (3) của Quy định (EC) số 1831/2003. Người nộp đơn yêu cầu chất phụ gia này cũng được phép sử dụng trong nước uống. Tuy nhiên, Quy định (EC) số 1831/2003 không cho phép sử dụng các hợp chất tạo hương trong nước uống.Vì vậy, không được phép sử dụng tinh dầu lá *buchu* từ cây thuốc *Agathosma betulina* (P.J. Bergius) trong nước để uống. Cơ quan có thẩm quyền kết luận thêm, rằng tinh dầu lá buchu từ *Agathosma betulina* (P.J. Bergius) Pillans được công nhận để tạo hương vị cho thực phẩm và chức năng của nó trong thức ăn về cơ bản giống như trong thực phẩm, do đó, không cần thiết để chứng minh thêm về hiệu quả của nó. Nó cũng xác minh báo cáo về các phương pháp phân tích phụ gia thức ăn trong thức ăn chăn nuôi do phòng thí nghiệm tham chiếu thiết lập theo Quy định (EC) số 1831/2003. |
| 47 | G/SPS/N/EU/593 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Quy định thực thi của ủy ban (EU) 2022/1412 ngày 19 tháng 8 năm 2022 liên quan đến việc cấp phép cho tinh dầu ngọc lan tây từ *Cananga odorata* (Lam) Hook f. & Thomson làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Dầu từ cây ngọc lan tây đã được cấp phép không giới hạn thời gian theo chỉ thị 70/524/EEC như một chất phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Chất phụ gia này sau đó đã được đưa vào sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi như một sản phẩm hiện có, theo điều 10 (1) (b) của Quy định (EC) số 1831/2003. Theo Điều 10 (2) của Quy định (EC) số 1831/2003 cùng với điều 7 của quy định đó, một đơn đăng ký đã được đệ trình để đánh giá lại tinh dầu ngọc lan tây từ hoa của cây *Cananga odorata* (Lam) Hook f. & Thomson cho tất cả các loài động vật. Người nộp đơn yêu cầu chất phụ gia được phân loại trong danh mục 'phụ gia cảm quan' và trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị'. Đơn đăng ký đó kèm theo các chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo điều 7 (3) của Quy định (EC) số 1831/2003. Người nộp đơn yêu cầu chất phụ gia này cũng được phép sử dụng trong nước uống.Tuy nhiên, Quy định (EC) số 1831/2003 không cho phép sử dụng các hợp chất tạo hương trong nước uống. Vì vậy, việc sử dụng tinh dầu ngọc lan tây từ *Cananga odorata* (Lam) Hook f. & Thomson không được phép sử dụng trong nước uống. Thực tế là tinh dầu ngọc lan tây từ *Cananga odorata* (Lam) Hook f. & Thomson không được phép sử dụng như một hương liệu trong nước để uống, trừ việc sử dụng nó trong thức ăn hỗn hợp, được pha chế qua nước. Chất được chỉ định trong phụ lục, thuộc danh mục 'phụ gia cảm quan' và thuộc nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị', được cho phép làm phụ gia thức ăn trong dinh dưỡng động vật, tuân theo các điều kiện quy định trong Phụ lục đó. |
| 48 | G/SPS/N/EU/592 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Dự thảo quy định của ủy ban (EU) sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức tối đa của dioxin và PCBs tương tự dioxin trong một số loại thực phẩm | Dự thảo quy chế:- Thiết lập mức tối đa đối với dioxin và tổng lượng dioxin và PCBS tương tự dioxin trong thịt và các sản phẩm thịt từ động vật họ nhà dê, ngựa, thỏ, lợn rừng, chim thú và thịt nai và gan của động vật họ nhà dê, ngựa và chim thú (thực phẩm cho không có mức tối đa nào đối với dioxin và PCBs tương tự dioxinđã được thiết lập ở Liên minh châu Âu)- Mở rộng mức tối đa hiện có đối với dioxin và tổng lượng dioxin và PCBs tương tự dioxin cho tất cả các loại trứng gia cầm (trừ trứng ngỗng)- Thay đổi mức tối đa của cua và các loài giáp xác giống cua đối với dioxin và tổng lượng dioxin và PCBs tương tự dioxin được áp dụng- Giảm mức tối đa đối với dioxin và tổng lượng dioxin và PCBs tương tự dioxin trong sữa và các sản phẩm từ sữa. |
| 49 | G/SPS/N/BRA/2067 | BVTV | Brazil | 24/08/2022 | Pháp lệnh Bộ trưởng số 475, ngày 18 tháng 8 năm 2022 - sửa đổi phụ lục I của chỉ thị Quy phạm số 25, ngày 27 tháng 6 năm 2017, phê duyệt các quy tắc xuất nhập khẩu hạt giống và cây giống. | Phê duyệt các quy tắc xuất nhập khẩu hạt giống và cây giống. |
| 50 | G/SPS/N/TPKM/593 | ATTP, BVTV, TY, QLCL | Đài Loan | 23/08/2022 | Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ thực phẩm, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm được phân loại theo 14 mã CCC cụ thể | Hàng hóa được phân loại theo 14 mã CCC cụ thể phải tuân theo "quy định kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và sản phẩm liên quan" nếu chúng được sử dụng cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ thực phẩm, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm. Các nhà nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra với cục quản lý thực phẩm và dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi. |
| 51 | G/SPS/N/THA/560/Add.1 | BVTV | Thái Lan | 22/08/2022 | Thông báo của Cục nông nghiệp về việc: điều kiện nhập khẩu hạt giống *Kratom* B.E. 2565 (2022) | Phụ lục này nhằm mục đích cung cấp bản dịch tiếng Anh của thông báo của bộ nông nghiệp về việc: điều kiện nhập khẩu hạt giống *Kratom* B.E. 2565 (2022) (bản dịch không chính thức) dành cho tất cả các thành viên WTO. |
| 52 | G/SPS/N/RUS/255 | BVTV | Liên bang Nga | 22/08/2022 | Dự thảo quyết định của Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi một số quyết định của hội đồng ủy ban kinh tế Á-Âu. | Dự thảo đưa danh mục các sản phẩm đã qua kiểm dịch (qua đường thủy, nguyên liệu, hàng hóa) thuộc diện kiểm dịch động thực vật (giám sát) tại cửa khẩu hải quan của Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU), được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan ngày 18/6. 2010 Số 318 và yêu cầu kiểm dịch thực vật thông thường đối với sản phẩm kiểm dịch và đối tượng kiểm dịch tại biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của EAEU, được phê duyệt theo quyết định của Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu ngày 30 tháng 11 năm 2016 số 157 về việc tuân thủ với danh mục hàng hóa thông thường hiện hành của hoạt động kinh tế đối ngoại của Liên minh kinh tế Á-Âu (được sửa đổi theo quyết định của tập thể ủy ban kinh tế Á-Âu ngày 12 tháng 5 năm 2022 số 74).Dự thảo quyết định của Hội đồng Ủy ban kinh tế Á-Âu đệ trình một phiên bản mới với mã HS trong 1212 94 000 0 và 1212 99 950 0 trong Phần I của danh sách các sản phẩm kiểm dịch nhằm giảm thiểu rủi ro nhập cảnh của đối tượng kiểm dịch đặc trưng cho các loại sản phẩm kiểm dịch này vào lãnh thổ Hải quan của EAEU. |
| 53 | G/SPS/N/CAN/1452 | ATTP | Canada | 22/08/2022 | Đề xuất của Bộ Y tế Canada cho phép sử dụng chiết xuất hạt nho (oligomeric proanthocyanidins) như một thành phần bổ sung trong thực phẩm | Cục quản lý thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành một đánh giá chi tiết về mức độ an toàn của chiết xuất hạt nho trước khi đưa ra thị trường để sử dụng như một thành phần bổ sung trong thực phẩm theo khuôn khổ quy định về thực phẩm bổ sung. Các kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường đảm bảo tính an toàn của các chất chiết xuất từ hạt nho được tiêu chuẩn hóa dựa trên hàm lượng proanthocyanidins oligomeric. Do đó, Bộ Y tế Canada dự định cho phép sử dụng chiết xuất hạt nho (proanthocyanidins dạng oligomeric) bằng cách sửa đổi danh sách các thành phần bổ sung được cấp phép như đã mô tả trong tài liệu thông tin.Thông báo này là để thông báo công khai ý định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho bất kỳ câu hỏi nào hoặc cho những người muốn gửi thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của chiết xuất hạt nho (oligomeric proanthocyanidins) khi được sử dụng làm thành phần bổ sung trong thực phẩm. |
| 54 | G/SPS/N/BRA/2066 | ATTP, BVTV | Brazil | 22/08/2022 | Đạo luật số 106 ngày 11 tháng 8 năm 2022 về quy định của carbendazim ở Brazil | Đạo luật số 106 ngày 11 tháng 8 năm 2022 về sản xuất, phân phối, thương mại, nhập khẩu và xuất khẩu carbendazim. |

1. **Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/UKR/166/Add.1 | CT | Ucraina | 20/09/2022 | Dự thảo lệnh của bộ y tế Ucraina về việc "phê duyệt các yêu cầu an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng đối với thức ăn của trẻ em" | Ucraina thông báo dự thảo lệnh của bộ y tế Ucraina về việc "phê duyệt các yêu cầu an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng nhất định đối với thực phẩm dành cho trẻ em" đã được thông qua vào ngày 23 tháng 6 năm 2022 (lệnh số 1084), được đăng ký với bộ tư pháp vào ngày 8 tháng 7 năm 2022 , được công bố vào ngày 29 tháng 7 năm 2022 và sẽ có hiệu lực vào ngày 29 tháng 10 năm 2022.Nội dung của dự thảo có tại: https://zakon.rada.gov.ua/laws/show/z0755-22#Text |
| 2 | G/SPS/N/UGA/158/Add.2 | CT | Uganda | 20/09/2022 | DUS 2238: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - súp và nước dùng, ấn bản lần một | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 2238: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - súp và nước dùng, ấn bản lần một, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/158 và G/SPS/N/UGA/158/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US 2238: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 3 | G/SPS/N/UGA/156/Add.2 | BVTV | Uganda | 20/09/2022 | DUS 889: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - rau khô và thảo mộc để sử dụng, ấn bản lần hai | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 889: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - rau khô và thảo mộc để sử dụng, ấn bản lần hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/156 và G/SPS/N/UGA/156/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 4 | G/SPS/N/UGA/155/Add.2 | BVTV | Uganda | 20/09/2022 | DUS 882: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - hoa quả sấy giòn, ấn bản lần hai | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 882: 2021, Đặc điểm kỹ thuật -hoa quả sấy giòn, ấn bản lần hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/155 và G/SPS/N/UGA/155/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 5 | G/SPS/N/UGA/154/Add.2 | BVTV | Uganda | 20/09/2022 | DUS 887: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - trái cây sấy khô, ấn bản lần hai | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 887: 2021 Đặc điểm kỹ thuật - trái cây sấy khô, ấn bản lần hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/154và G/SPS/N/UGA/154/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US 887: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 6 | G/SPS/N/UGA/148/Add.2 | CT | Uganda | 20/09/2022 | DUS 871: 2020, , Đặc điểm kỹ thuật - đồ uống ngũ cốc mạch nha, ấn bản lần hai | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 871: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - đồ uống ngũ cốc mạch nha, ấn bản lần hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/148 và G/SPS/N/UGA/148/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US 871: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 7 | G/SPS/N/UGA/147/Add.2 | CT | Uganda | 20/09/2022 | DUS 1600: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - chất làm trắng sữa, ấn bản lần hai | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 1600: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - chất làm trắng sữa, ấn bản lần hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/147 và G/SPS/N/UGA/147/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 8 | G/SPS/N/UGA/146/Add.2 | ATTP, BVTV, CT, TY, QLCL | Uganda | 20/09/2022 | DUS 2245: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - an toàn thực phẩm, ấn bản lần một | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 2245: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - an toàn thực phẩm, ấn bản lần một, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/146 và G/SPS/N/UGA/146/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US 2245: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 9 | G/SPS/N/UGA/145/Add.2 | CT | Uganda | 20/09/2022 | DUS 2172: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - dầu hạt chia, ấn bản lần một | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 2172: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - dầu hạt chia, ấn bản lần một, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/145 và G/SPS/N/UGA/145/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US 2172: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 10 | G/SPS/N/UGA/129/Add.2 | CT | Uganda | 20/09/2022 | DUS DEAS 1011: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - phô mai *cheddar*, ấn bản lần một | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1011: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - phô mai *cheddar*, xuất bản lần một, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/129và G/SPS/N/UGA/129/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda Hoa Kỳ EAS 1011: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 11 | G/SPS/N/UGA/103/Add.2 | CT | Uganda | 20/09/2022 | DUS DEAS 1003: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - bơ hạt điều, ấn bản lần một | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1003: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - bơ hạt điều, ấn bản lần một, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/103 và G/SPS/N/UGA/103/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US EAS 1003: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 12 | G/SPS/N/UGA/102/Add.2 | BVTV | Uganda | 20/09/2022 | DUS DEAS 1002: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - nhân hạt điều rang, ấn bản lần một | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1002: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - nhân hạt điều rang, ấn bản lần một, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/102 và G/SPS/N/UGA/102/ Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US EAS 1002: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 13 | G/SPS/N/UGA/101/Add.2 | BVTV | Uganda | 20/09/2022 | DUS DEAS 1001: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - nhân hạt điều thô, ấn bản lần một | Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1001: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - nhân hạt điều thô, ấn bản lần một, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/101 và G/SPS/N/UGA/101/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US EAS 1001: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 14 | G/SPS/N/UGA/100/Add.2 | BVTV | Uganda | 20/09/2022 | DUS DEAS 1000: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - hạt điều thô, ấn bản lần một | Mục đích của phụ lục này là thông báo cho các thành viên WTO rằng dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1000: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - hạt điều thô, ấn bản lần một, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/100 và G/SPS/N/UGA/100/Add.1, có hiệu lực vào ngày 14 tháng 5 năm 2022. Tiêu chuẩn Uganda US EAS 1000: 2021, có thể được mua trực tuyến thông qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug |
| 15 | G/SPS/N/CAN/1442/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 20/09/2022 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với hexythiazox | Giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho hexythiazox được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1442 (ngày 24 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 14 tháng 9 năm 2022. MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc cập nhật vào cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và / hoặc hàng hóa đã chế biến |
| 15 | Trà (lá khô) |

1ppm = phần triệuMRL được thành lập ở Canada có thể được tìm thấy bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa của bộ y tế Canada (https://pest-control.canada.ca/pesticide-registry/en/disclaimer-page.html) trên trang web giới hạn dư lượng tối đa cho thuốc bảo vệ thực vật (https: //www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protecting-yourhealth-enosystem/pesticides-food/maximum-residue-limits-pesticides.html). Cơ sở dữ liệu cho phép người dùng tìm kiếm thuốc trừ sâu hoặc hàng hóa thực phẩm. |
| 16 | G/SPS/N/BRA/2047/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1096, ngày 2 tháng 6 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1096, ngày 2 tháng 6 năm 2022 - đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2047 - được coi là đề xuất đưa các hoạt chất *TC83 - Cinnamonum cassia* và *C83.1 -* cinnamaldehyde vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính đối với thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua là hướng dẫn quy phạm số 179, ngày 2 tháng 9 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6447692/IN\_179\_2022\_.pdf/d88c510e-2eb3-42c3-b102- ad17967ace82 |
| 17 | G/SPS/N/BRA/2044/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1095, ngày 12 tháng 5 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1095, ngày 12 tháng 5 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2044 - đề xuất đưa/sửa đổi các thành phần hoạt tính sau vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União): A26 - azoxystrobin, A41 - amicarbazone, B55 - emamectin benzoate, D36 - difenoconazole, F26 - fomesafem, G02 - glyphosate, L05 - lufenuron, P21 - propiconazole, P65 - pidiflumetofem, S13 - S-metolachlor, T79 - thiafenacil, đã được thông qua là hướng dẫn quy phạm số 181, ngày 2 tháng 9 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6437482/IN\_181\_2022\_.pdf/6b6757c7-c9ee-464cb8e2-795ac4954af4 |
| 18 | G/SPS/N/BRA/2041/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1094, ngày 5 tháng 5 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1094, ngày 5 tháng 5 năm 2022 - đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2041 - đề xuất đưa thành phần hoạt chất *E33-SPIROPIDIONE* vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt động cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và các chất bảo quản gỗ được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua là chỉ thị quy phạm số 180, ngày 2 tháng 9 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6434793/IN\_180\_2022\_.pdf/21fe6e9a-82cd-4e94-aabe-b850f76851af |
| 19 | G/SPS/N/BRA/2037/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1091, ngày 20 tháng 4 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1091, ngày 20 tháng 4 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2037 - trong đó có các điều khoản về cập nhật các chuyên khảo về thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ sau đây, được công bố bởi chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Ofting da União): *A14 -* ametrine, A14 - atrazine, A26 - azoxystrobin, B26 - bifenthrin, B42 - isopropyl bentiavalicarb, C74 - chlorantraniliprole, E04 - ethoprophos, F43 - F43 , F72 - fluopyram, I29 - isofetamide, M02 - mancozeb, M31 - metalaxyl-m, M45 - mandipropamide, T12 - thiabendazole, T29 - thiobencarb, T71 - thiencarbazone, Z04 - zoxamide, đã được thông qua hướng dẫn quy phạm số 176, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6427720/IN\_176\_2022\_.pdf/f87c8dfb-80b0-4e8c9f6b-da96828c5e4f |
| 20 | G/SPS/N/BRA/2036/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1090, ngày 20 tháng 4 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1090, ngày 20 tháng 4 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2036 - đề xuất đưa hoạt chất P68*: Phthorimaea operculella granulovirus* vào danh sách chuyên khảo về thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, chất tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 171, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6427687/IN\_171\_2022\_.pdf/f36929cc-a263-4478- a70a-03b53e1b11d0 |
| 21 | G/SPS/N/BRA/2031/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1083, ngày 17 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1083, ngày 17 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2031 - Là đề xuất đưa thành phần hoạt chất P66*: Pseudomonas chlororaphis* vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 174, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6410677/IN\_174\_2022\_.pdf/681b60b1-b9f9-405a8a0b-b434f97023b7 |
| 22 | G/SPS/N/BRA/2030/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1084, ngày 17 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1084, ngày 17 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2030 - đề xuất đưa thành phần hoạt chất P67*: Pseudomonas fluorescens* vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị Quy phạm số 175, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6410677/IN\_175\_2022\_.pdf/a7691af9-5d1e-45e0-b351-557814ca1378 |
| 23 | G/SPS/N/BRA/2029/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1085, ngày 17 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1085, ngày 17 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2029 - đề xuất hướng dẫn quy phạm cập nhật fanh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo hướng dẫn quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 167, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6410832/IN\_167\_2022\_.pdf/1fa128f8-2557-4bc1-b84a-0513a9157139 |
| 24 | G/SPS/N/BRA/2028/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1086, ngày 18 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1086, ngày 18 tháng 3 năm 2022 - đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2028 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất *B58: Burkholderia rinojensis* vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 169, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6410894/IN\_169\_2022\_.pdf/cbaa1e46-7bdb-416baa95-8d2d0f6e82e0 |
| 25 | G/SPS/N/BRA/2027/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1087, ngày 18 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1087, ngày 18 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2027 - được coi là đề xuất đưa thành phần hoạt chất *P65 - PIDIFLUMETHOFEM* vào D\danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 170, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6410894/IN\_170\_2022\_.pdf/978a7b48-8ecc-42c1-9ee2-37dbe3b8a892 |
| 26 | G/SPS/N/BRA/2026/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1088, ngày 24 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1088, ngày 24 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2026 - đề xuất đưa hoạt chất T79 - THIAPHENACIL vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 166, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6413495/IN\_166\_2022\_.pdf/760b7498-412c-4740-9946-385b61a6f6f1 |
| 27 | G/SPS/N/BRA/2020/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1089, ngày 31 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1089, ngày 31 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2020 - đề xuất sửa đổi các thành phần hoạt tính sau đây của danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo hướng dẫn quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Ofting da União): A18 - abamectin, B46 - benzovindiflupir, B55 - emamectin benzoate, C32 - cletodim, C36 - cyproconazole, 81 - cyclaniliprole, D11 - dicamba, H07 - haloxyphope - P-methyl, M37 - mepiquate, N09 - novalurom, P12 - methyl pyrimiphos, P34 - pyriproxifem, P53 - prothioconazole, S19 - sulfoxaflor và T54 - trifloxystrobin, đã được thông qua làm hướng dẫn quy chuẩn số 178, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6418217/IN\_178\_2022\_.pdf/668f0d7d-de03-4910- a0b8-65a30a90ca42 |
| 28 | G/SPS/N/BRA/2019/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1082, ngày 16 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1082, ngày 16 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2019 - đề xuất đưa thành phần hoạt chất A65 - ametoctradine vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt động cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 173, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6407133/IN\_173\_2022\_.pdf/cc4220e9-b497-44b5-9a39-773064f37b9e |
| 29 | G/SPS/N/BRA/2018/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1081, ngày 10 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết - RDC số 1081, ngày 10 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2018- đề xuất đưa hoạt chất M52 - mefentrifluconazole vào danh sách chuyên khảo về thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 165, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6407098/IN\_165\_2022\_.pdf/847807e3-5b84-4973- a176-19de705c2d89 |
| 30 | G/SPS/N/BRA/2017/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1080, ngày 10 tháng 3 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1080, ngày 10 tháng 3 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2017 - đề xuất đưa hoạt chất B57 *-* bistrifluron vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 177, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6407043/IN\_177\_2022\_.pdf/dc4275d2-8ba0-405e9459-5858980e1f6f |
| 31 | G/SPS/N/BRA/2014/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1079, ngày 25 tháng 2 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết số 1079, ngày 25 tháng 2 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2014 - đề xuất đưa hoạt chất D57:1,4dimethylnaphthalene vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), được thông qua chỉ thị quy phạm số 168, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6401170/IN\_168\_2022\_.pdf/c7d602d6-50b9-415f856f-8b1dd6cb490c |
| 32 | G/SPS/N/BRA/2013/Add.1 | ATTP, BVTV | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1078, ngày 25 tháng 2 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1078, ngày 25 tháng 2 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2013- đề xuất đưa hoạt chất *T78 - trichoderma viride* vào danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành theo chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên công báo Brazil (DOU - Diário Onking da União), đã được thông qua chỉ thị quy phạm số 172, ngày 12 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6401079/IN\_172\_2022\_.pdf/04a635ce-06a5-47ac907c-e3822acca8ef |
| 33 | G/SPS/N/BRA/2003/Add.1 | ATTP | Brazil | 20/09/2022 | Dự thảo nghị quyết số 1060, ngày 20 tháng 12 năm 2021 | Dự thảo nghị quyết số 1060, ngày 20 tháng 12 năm 2021 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2003- quy định về việc cho phép sử dụng phụ gia thực phẩm và chất bổ trợ công nghệ trong một số loại thực phẩm, đã được thông qua với tên gọi nghị quyết - RDC số 740, ngày 9 tháng 8 năm 2022.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6372355/RDC\_740\_2022\_.pdf/e6881bdd-e06f4212-bd35-105ad5e06b10 |
| 34 | G/SPS/N/EU/534/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 14/09/2022 | Mức dư lượng tối đa đối với *1,4-*dimethylnaphthalene, 8-hydroxyquinoline, pinoxaden và valifenalate trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/534 (ngày 20 tháng 12 năm 2021) hiện đã được thông qua bởi quy định của Ủy ban (EU) 2022/1346 ngày 01 tháng 8 năm 2022 sửa đổi Phụ lục II và III thành Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với *1*,4-dimethylnaphthalene, 8-hydroxyquinoline, pinoxaden và valifenalate trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 202, ngày 2 tháng 8 năm 2022, tr. 31].Quy chế sẽ được áp dụng từ ngày 22 tháng 2 năm 2023. |
| 35 | G/SPS/N/EU/533/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 14/09/2022 | Mức dư lượng tối đa đối với *2,4-*D, azoxystrobin, cyhalofop-butyl, cymoxanil, fenhexamid, flazasulfuron, florasulam, fluroxypyr, iprovalicarb và silthiofam trong hoặc trên các sản phẩm nhất định | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/533 (ngày 20 tháng 12 năm 2021) hiện đã được thông qua bởi quy định của Ủy ban (EU) 2022/1363 ngày 03 tháng 8 năm 2022 sửa đổi Phụ lục II về Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với 2,4-D, azoxystrobin, cyhalofop-butyl, cymoxanil, fenhexamid, flazasulfuron, florasulam, fluroxypyr, iprovalicarb và silthiofam trong hoặc trên các sản phẩm nhất định (Văn bản liên quan đến EEA) [OJ L 205 , ngày 5 tháng 8 năm 2022, tr. 207].Quy chế sẽ được áp dụng từ ngày 25 tháng 2 năm 2023. |
| 36 | G/SPS/N/EU/532/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 14/09/2022 | Mức dư lượng tối đa đối với methoxyfenozide, propoxur, spinosad và thiram trong hoặc trên các sản phẩm nhất định | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/532 (ngày 15 tháng 12 năm 2021) hiện đã được thông qua bởi quy định của Ủy ban (EU) 2022/1406 ngày 3 tháng 8 năm 2022 sửa đổi Phụ lục II, III và V thành Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với methoxyfenozide, propoxur, spinosad và thiram trong hoặc trên các sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 215, ngày 18 tháng 8 năm 2022, tr. 1].Quy chế sẽ được áp dụng từ ngày 28 tháng 2 năm 2023. |
| 37 | G/SPS/N/EU/491/Add.1 | ATTP | Liên minh châu Âu | 14/09/2022 | Monacolins từ men gạo đỏ | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/491 (ngày 26 tháng 5 năm 2021) hiện đã được thông qua bởi quy định của Ủy ban (EU) 2022/860 ngày 01 tháng 6 năm 2022 sửa đổi Phụ lục III về quy định (EC) số 1925/2006 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng liên quan đến monacolins từ gạo men đỏ (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 151, ngày 2 tháng 6 năm 2022, tr. 37].Quy chế này có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được công bố trên tạp chí chính thức của Liên minh châu Âu. |
| 38 | G/SPS/N/USA/3324/Add.1 | ATTP | Hoa Kỳ | 13/09/2022 | Danh sách các chất phụ gia tạo màu được miễn chứng nhận; Antarctic Krill Meal;Xác nhận Ngày có hiệu lực | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) xác nhận ngày có hiệu lực là ngày 10 tháng 6 năm 2022 cho quy tắc cuối cùng xuất hiện trong Sổ đăng ký Liên bang là ngày 10 tháng 5 năm 2022 và điều đó đã sửa đổi các quy định về chất phụ gia tạo màu nhằm sử dụng an toàn Antarctic Krill Meal, bao gồm đất và mô khô của *Euphausia superba*, có hoặc không có phần lipid, được sử dụng trong thức ăn của cá hồi, để làm tăng màu sắc thịt cá hồi. |
| 39 | G/SPS/N/CAN/1441/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 12/09/2022 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với flazasulfuron | Dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho flazasulfuron được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1441 (ngày 10 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 4 tháng 9 năm 2022. MRL được thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1  | Hàng nông sản thô (RAC) và / hoặc hàng đã chế biến |
| 0,01 | Nho, quả việt quất xanh |

1ppm = phần triệu |
| 40 | G/SPS/N/CAN/1440/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 12/09/2022 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với oxathiapiprolin | Dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho oxathiapiprolin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1440 (ngày 10 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 4 tháng 9 năm 2022. MRL được thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp Trực tiếp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1  | Hàng nông sản thô (RAC) và / hoặc hàng đã chế biến |
| 5.0 | Hoa bia (khô) |
| 0,01 | Đậu nành khô; hạt giống hoa hướng dương; trứng gà; mỡ, thịt và các sản phẩm phụ từ thịt của gia cầm |

1ppm = phần triệu |
| 41 | G/SPS/N/CAN/1439/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 12/09/2022 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với fluensulfone | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho fluensulfone được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1439 (ngày 8 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022. MRLs đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Mức tối đa Cơ sở dữ liệu Giới hạn Dư lượng và được cung cấp ngay bên dưới:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1  | Hàng nông sản thô (RAC) và / hoặc hàng đã chế biến |
| 20 | Rau cải xanh có nhiều lá (phân nhóm cây trồng 5B) |
| 15 | Dầu cam quýt |
| 4.0 | Rau ăn củ (trừ củ cải đường) (phân nhóm cây trồng 1B), rau ăn lá (trừ rau cải Brassica) (nhóm cây trồng 4) |
| 2.0 | Khoai tây chiên |
| 1.5 | Rau cải xoăn (phân nhóm cây trồng 5A), nho khô |
| 0,9 | Táo khô |
| 0,8 | Các loại rau có củ và lá corm (phân nhóm cây trồng 1C), cây nho leo quả nhỏ (phân nhóm cây trồng 13-07D) |
| 0,5 | Quả mọng (phân nhóm cây trồng 13-07G) |
| 0,4 | Nhóm quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09) |
| 0,3 | Cam quýt (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi), mật mía |
| 0,15 | Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09) |
| 0,06 | Cây mía |
| 0,02 | Quả hạch cây (nhóm cây trồng 14-11) |

1ppm = phần triệu |
| 42 | G/SPS/N/CAN/1438/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 12/09/2022 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với dimethoate | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho dimethoate được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1438 (ngày 8 tháng 6 năm 2022) đã được thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022. MRL được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1  | Hàng nông sản thô (RAC) và / hoặc hàng đã chế biến |
| 0,04 | canarygrass |

1ppm = phần triệu |
| 43 | G/SPS/N/CAN/1422/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 12/09/2022 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa đối với tiafenacil   | Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho tiafenacil được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1422 (ngày 10 tháng 1 năm 2022) đã được thông qua vào ngày 30 tháng 8 năm 2022. MRL được thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp Trực tiếp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1  | Hàng nông sản thô (RAC) và / hoặc hàng đã chế biến |
| 0,01 | Đậu nành khô; trứng gà; mỡ, thịt và các phụ phẩm từ thịt của gia súc, dê, lợn, ngựa, gia cầm và cừu; ngô; quả nho; sữa; hạt bắp rang bơ; lúa mì |

1ppm = phần triệu |
| 44 | G/SPS/N/NZL/686/Add.1 | BVTV, CN, TY, QLCL | Niu Di-lân | 06/09/2022 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho các container tàu biển từ tất cả các quốc gia | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho các container tàu biển từ tất cả các quốc giaĐây là thông báo về việc áp dụng Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu |
| 45 | G/SPS/N/UKR/173/Add.1 | TY | Ucraina | 02/09/2022 | Thông qua lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với các cơ sở sản xuất, chế biến và lưu trữ vật liệu sinh sản, động vật - người cho vật liệu sinh sản, thu gom, chế biến, bảo quản, vận chuyển và dán nhãn sinh sản vật chất" | Ucraina thông báo về dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina."Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với các cơ sở sản xuất, chế biến và bảo quản vật liệu sinh sản, động vật - người cho vật liệu sinh sản, thu gom, chế biến, bảo quản, vận chuyển và ghi nhãn tài liệu tái sản xuất "được thông qua vào ngày 20 tháng 6 năm 2022 (Lệnh số 367), đăng ký với Bộ Tư pháp vào ngày 6 tháng 7 năm 2022, được công bố và có hiệu lực vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.Lệnh sẽ được ban hành đồng thời với Luật của Ucraina "Về thuốc thú y" số 1206-IX ngày 4 tháng 2 năm 2021 (sẽ được ban hành một năm sau khi chấm dứt hoặc hủy bỏ thiết quân luật). |
| 46 | G/SPS/N/JPN/920/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 01/09/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho uniconazole-P được thông báo trong G/SPS/N/JPN/920 (ngày 10 tháng 1 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 20 tháng 5 năm 2022. |
| 47 | G/SPS/N/JPN/919/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 01/09/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho pyribencarb được thông báo trong G/SPS/N/JPN/919 (ngày 10 tháng 1 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 20 tháng 5 năm 2022. |
| 48 | G/SPS/N/JPN/918/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 01/09/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho pendimethalin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/918 (ngày 10 tháng 1 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 20 tháng 5 năm 2022. |
| 49 | G/SPS/N/JPN/917/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 01/09/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho oxathiapiprolin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/917 (ngày 10 tháng 1 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 20 tháng 5 năm 2022. |
| 50 | G/SPS/N/JPN/916/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 01/09/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho fenazaquin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/916 (ngày 10 tháng 1 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 20 tháng 5 năm 2022 |
| 51 | G/SPS/N/JPN/915/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 01/09/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho cadusafos được thông báo trong G/SPS/N/JPN/915 (ngày 7 tháng 1 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 20 tháng 5 năm 2022. |
| 52 | G/SPS/N/JPN/914/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 01/09/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho broflanilide được thông báo trong G/SPS/N/JPN/914 (ngày 7 tháng 1 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 20 tháng 5 năm 2022. |
| 53 | G/SPS/N/EGY/92/Add.5 | QLCL | Ai Cập | 25/08/2022 | Sản phẩm thực phẩm | Phụ lục này liên quan đến việc thông báo nghị định số 393/2022 của Bộ trưởng (2 trang, bằng tiếng Ả Rập) kéo dài thời hạn sử dụng của cá đông lạnh và gan đông lạnh được quy định trong tiêu chuẩn Ai Cập ES 2613--2 / 2008 về "Thời hạn sử dụng đối với sản phẩm thực phẩm phần 2: thời hạn sử dụng là chín tháng đối với cá đông lạnh và mười tháng đối với gan đông lạnh kể từ ngày giết mổ. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.Lưu ý rằng nghị định của bộ trưởng số 100/2019 trước đây đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.1 ngày 3 tháng 6 năm 2020, nghị định của bộ trưởng số 653/2020 trước đây đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/Add.2 ngày 15 tháng 3 năm 2021, nghị định số 222/2021 của bộ trưởng trước đây đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/92/ Add.3 ngày 20 tháng 9 năm 2021 và nghị định số 522/2021 trước đây đã được thông báo tại G/SPS/N/EGY/92/Add.4 ngày 18 tháng 3 năm 2022, khiến các phiên bản trước đó và sửa đổi của tiêu chuẩn này là bắt buộc.Đáng nói là tiêu chuẩn này đã được xây dựng theo các nghiên cứu quốc gia và cập nhật.Các nhà sản xuất và nhập khẩu có thể tham khảo về bất kỳ sửa đổi nào trong tiêu chuẩn Ai Cập thông qua việc công bố các mệnh lệnh hành chính trên công báo.Ngày đề xuất thông qua: ngày 02 tháng 7 năm 2022.Ngày đề xuất có hiệu lực: ngày 22 tháng 7 năm 2022. |
| 54 | G/SPS/N/EU/557/Add.1 | ATTP | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Chỉ định các chất chống vi trùng hoặc các nhóm chất chống vi trùng được dùng để điều trị một số bệnh nhiễm trùng ở người | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/557 (ngày 21 tháng 4 năm 2022) hiện đã được ủy ban thực hiện quy định (EU) 2022/1255 ngày 19 tháng 7 năm 2022 thông qua, chỉ định các chất chống vi trùng hoặc các nhóm chất chống vi trùng được dùng để điều trị một số bệnh nhiễm trùng ở người, phù hợp với quy định (EU) 2019/6 của nghị viện Châu Âu và của hội đồng (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 191, ngày 20 tháng 7 năm 2022, tr. 58].Quy chế sẽ được áp dụng từ ngày 9 tháng 2 năm 2023. |
| 55 | G/SPS/N/EU/554/Add.1 | TY | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Danh mục sản phẩm có nguồn gốc động vật, phụ phẩm động vật, sản phẩm tổng hợp thuộc diện kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/554 (ngày 14 tháng 4 năm 2022) hiện đã được ủy ban thực hiện Quy định (EU) 2022/1322 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2022 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2021/632 liên quan đến danh sách sản phẩm có nguồn gốc động vật, phụ phẩm động vật và các sản phẩm tổng hợp chịu sự kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 13, 20 tháng 1 năm 2022, tr. 5].Quy chế sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được công bố trên tạp chí chính thức của Liên minh châu Âu. |
| 56 | G/SPS/N/EU/548/Add.1 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Mức tối đa của delta-9-tetrahydrocannabinol (Δ9-THC) trong hạt cây gai dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ hạt cây gai dầu | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/548 (ngày 9 tháng 3 năm 2022) hiện đã được thông qua bởi quy định của ủy ban (EU) 2022/1393 ngày 11 tháng 8 năm 2022 sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức tối đa của delta- 9-tetrahydrocannabinol (Δ9-THC) trong hạt cây gai dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ hạt cây gai dầu (văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 211, ngày 12 tháng 8 năm 2022, tr. 83].Quy chế sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. |
| 57 | G/SPS/N/EU/547/Add.1 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Mức tối đa của [ochratoxinA trong](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7233) một số loại thực phẩm | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/547 (ngày 9 tháng 3 năm 2022) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2022/1370 ngày 5 tháng 8 năm 2022 sửa đổi quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức tối đa của ochratoxin A trong một số loại thực phẩm (văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 206, ngày 8 tháng 8 năm 2022, tr. 11].Quy chế sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. |
| 58 | G/SPS/N/EU/546/Add.1 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Mức tối đa của axit hydrocyanic trong một số loại thực phẩm | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/546 (ngày 8 tháng 3 năm 2022) đã được thông qua bởi Quy định của ủy ban (EU) 2022/1364 ngày 4 tháng 8 năm 2022 sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức tối đa của axit hydrocyanic trong một số loại thực phẩm (văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 205, ngày 5 tháng 8 năm 2022, tr. 227].Quy chế sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. |
| 59 | G/SPS/N/EU/525/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Mức dư lượng tối đa đối với ion florua, oxyfluorfen, pyroxsulam, quinmerac và sulfuryl florua trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/525 (ngày 13 tháng 12 năm 2021) đã được thông qua bởi Quy định của ủy ban (EU) 2022/1321 ngày 25 tháng 7 năm 2022 sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với ion florua, oxyfluorfen, pyroxsulam, quinmerac và sulfuryl florua trong hoặc trên các sản phẩm nhất định (văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 200, ngày 29 tháng 7 năm 2022, tr. 1].Quy chế sẽ được áp dụng từ ngày 21 tháng 02 năm 2023. |
| 60 | G/SPS/N/EU/464/Add.1 | TY | Liên minh châu Âu | 24/08/2022 | Các biện pháp kiểm soát chính thức đối với động vật và các sản phẩm có nguồn gốc động vật xuất khẩu từ các nước thứ ba sang liên minh để đảm bảo tuân thủ việc cấm sử dụng một số chất kháng khuẩn và cung cấp trực tiếp thịt từ gia cầm và thịt bò | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/464 (ngày 15 tháng 3 năm 2021) hiện đã được thông qua bởi quy định (EU) 2021/1756 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 6 tháng 10 năm 2021 sửa đổi Quy định (EU) 2017/625 liên quan đến các biện pháp kiểm soát chính thức đối với động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật xuất khẩu từ các nước thứ ba sang Liên minh phải đảm bảo tuân thủ việc cấm sử dụng một số chất kháng khuẩn và Quy định (EC) số 853/2004 liên quan đến việc cung cấp trực tiếp thịt từ gia cầm và bò (văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 357, ngày 8 tháng 10 năm 2021, tr. 27]. Quy chế sẽ được áp dụng kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2021. |
| 61 | G/SPS/N/CAN/1383/Add.1 | ATTP | Canada | 22/08/2022 | Thông báo về việc sửa đổi bổ sung mức tối đa cho Arsen vô cơ trong thực phẩm làm từ gạo dành riêng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ | Vào ngày 9 tháng 4 năm 2021, Bộ Y tế Canada đã công bố đề xuất bổ sung mức tối đa Arsen vô cơ trong thực phẩm làm từ gạo dành riêng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ vào danh sách các chất gây ô nhiễm và các chất kết dính khác trong thực phẩm (NOP/ADP C-2021-1) đã được mở để lấy ý kiến công chúng trong 75 ngày.Không có thông tin khoa học mới nào được nhận trong thời gian tham vấn. Do đó, bộ y tế Canada đã bổ sung mức *arsen* vô cơ tối đa 0,1 ppm mới trong thực phẩm làm từ gạo dành riêng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ vào phần 2 của danh sách các chất gây ô nhiễm và các chất kết dính khác trong thực phẩm, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 8 năm 2022, như được mô tả trong tài liệu thông tin.Thông báo này là để thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những thắc mắc hoặc cho những người muốn gửi thông tin mới liên quan đến đánh giá khoa học của Bộ Y tế Canada. |
| 62 | G/SPS/N/CAN/1382/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 22/08/2022 | Thông báo sửa đổi của Bộ Y tế Canada để cập nhật mức tối đa cho tổng lượng *arsen* vô cơ trong nước ép trái cây và mật hoa quả | Ngày 9 tháng 4 năm 2021, Bộ Y tế Canada đã công bố đề xuất cập nhật mức tối đa cho tổng lượng *arsen* vô cơ trong nước ép trái cây và mật hoa quả trong danh sách các chất gây ô nhiễm và các chất kết dính khác trong thực phẩm (NOP / ADP C-2021-2) được công khai để góp ý trong 75 ngày.Không có thông tin khoa học mới nào được nhận trong thời gian tham vấn. Do đó, Bộ Y tế Canada đã thiết lập mức *arsen* vô cơ tối đa mới là 0,01 ppm trong nước trái cây và mật hoa quả ngoại trừ nước ép nho và mật hoa nho, và *arsen* vô cơ 0,03 ppm trong nước ép nho và mật hoa nho, vào phần 2 của danh sách các chất gây ô nhiễm và các chất kết dính khác trong thực phẩm, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 8 năm 2022, như được mô tả trong tài liệu thông tin.Thông báo này là để thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những thắc mắc hoặc cho những người muốn gửi thông tin mới liên quan đến đánh giá khoa học của Bộ Y tế Canada. |